

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Việt Trung Quảng Bình

Ngày 30/06/2025	9,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.3%	-	-

DT thuần Q2/25
16.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.63 68.6%
YoY: ▼2.90 -15.1%

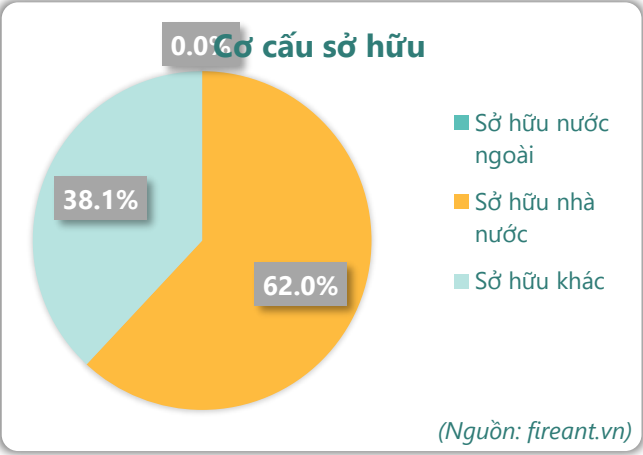
LN thuần Q2/25
0.54
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.69 113%
YoY: ▲ 6.28 109%

LN sau thuế Q2/25
0.67
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.83 116%
YoY: ▲ 5.91 113%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
9.2%
YoY: +/-▲ 45.5%

ROE (TTM) Q2/25
6.3%
YoY: +/-▲ 5.0%

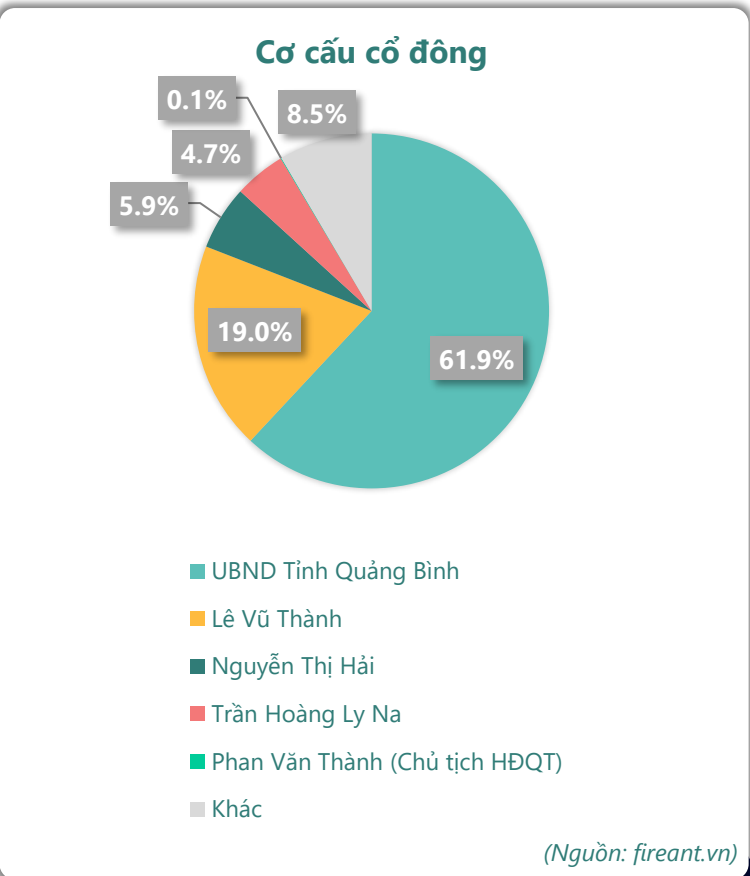
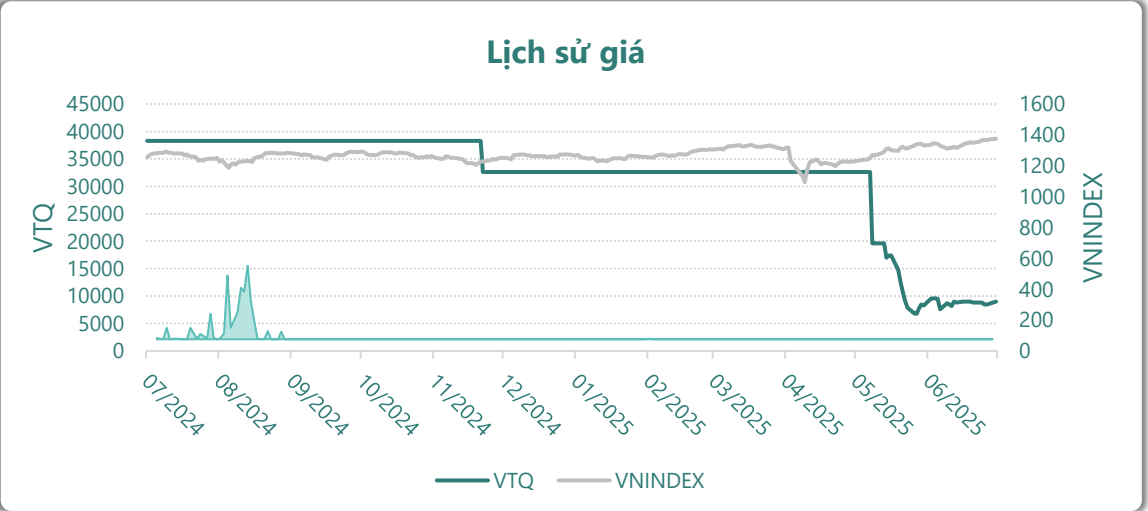
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,800 - 38,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	154
Số lượng CPLH (CP)	17,081,791
KLGD BQ 20 phiên (CP)	580
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.08)
EPS	445
P/E	20.2



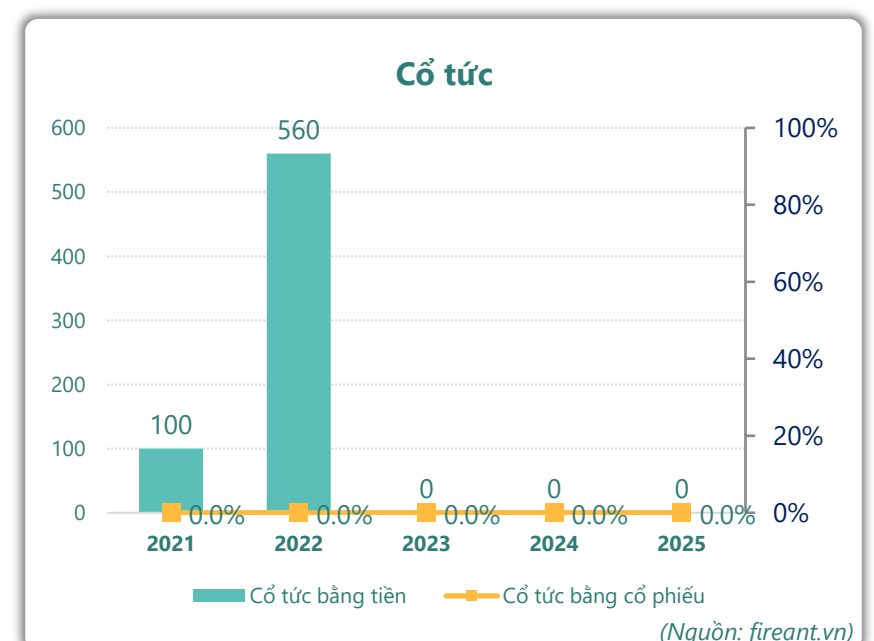
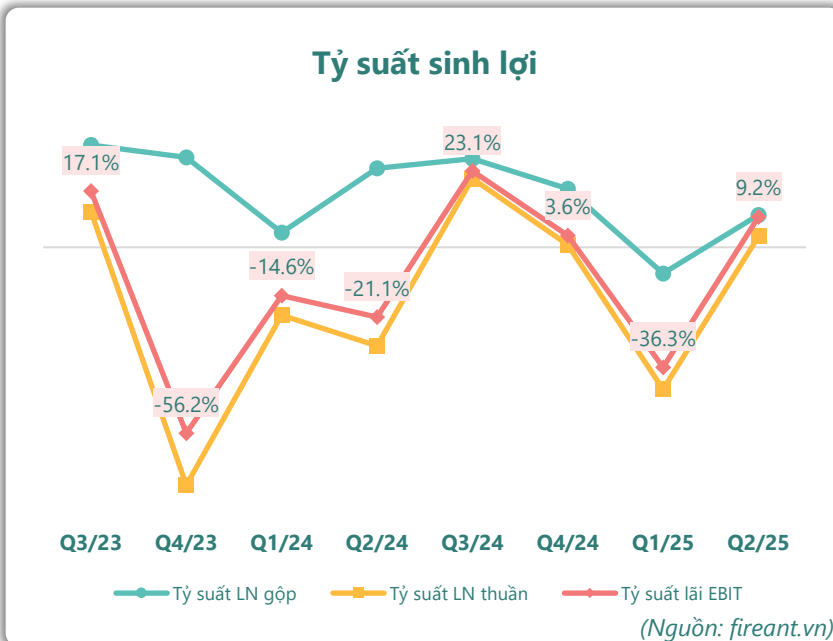
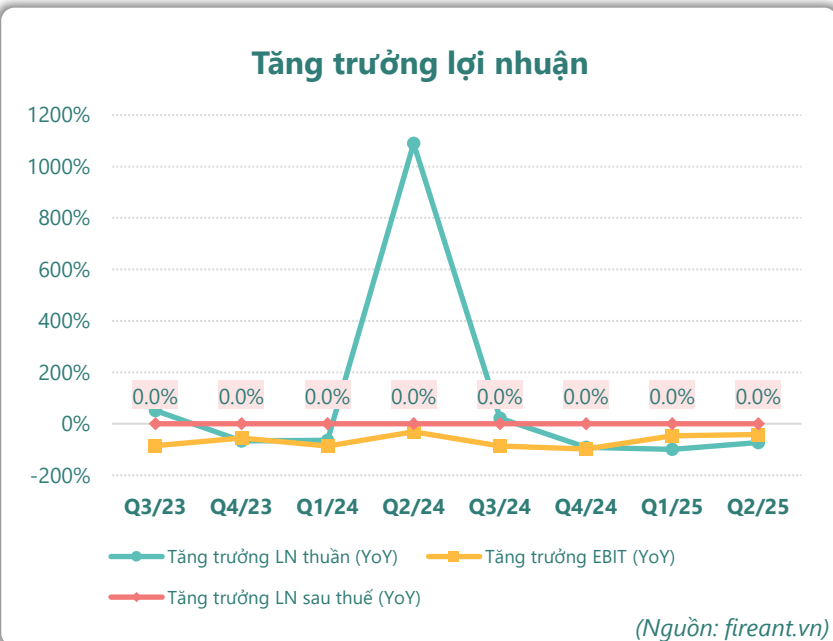
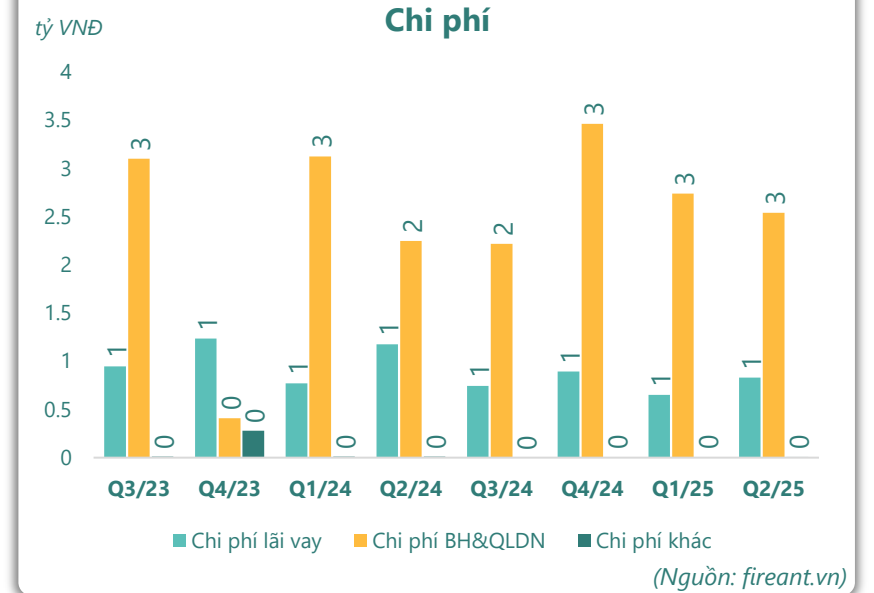
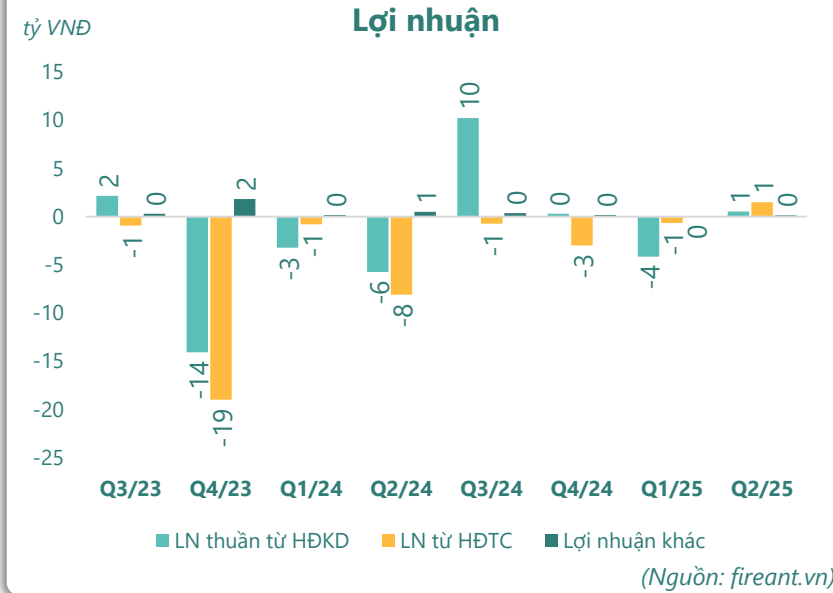
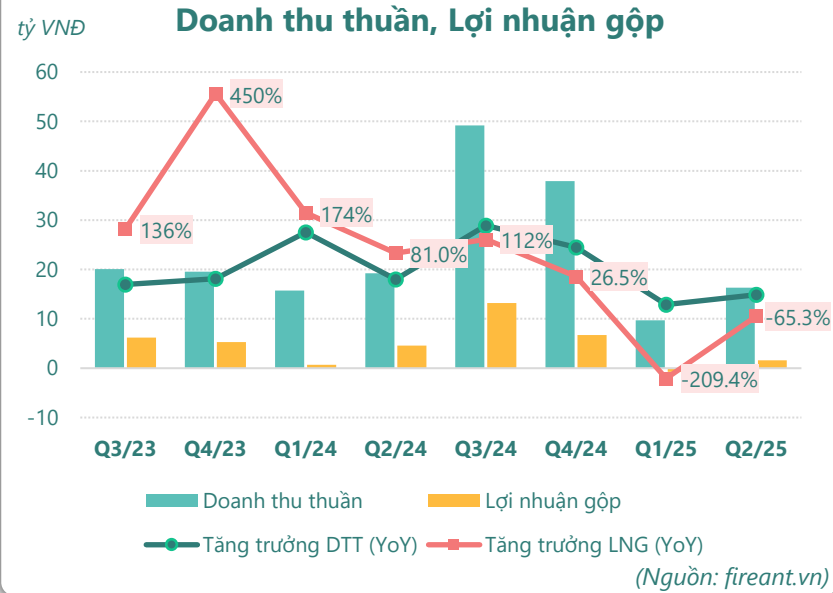
DT thuần 6T 2025
26.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.90 -25.7%

LN thuần 6T 2025
-3.61
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.36 59.7%

LN sau thuế 6T 2025
-3.48
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.83 58.1%



KẾT QUẢ KINH DOANH

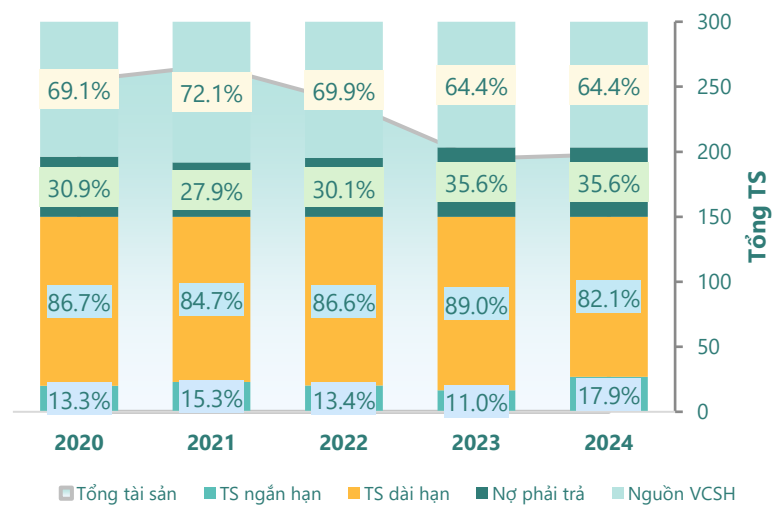




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

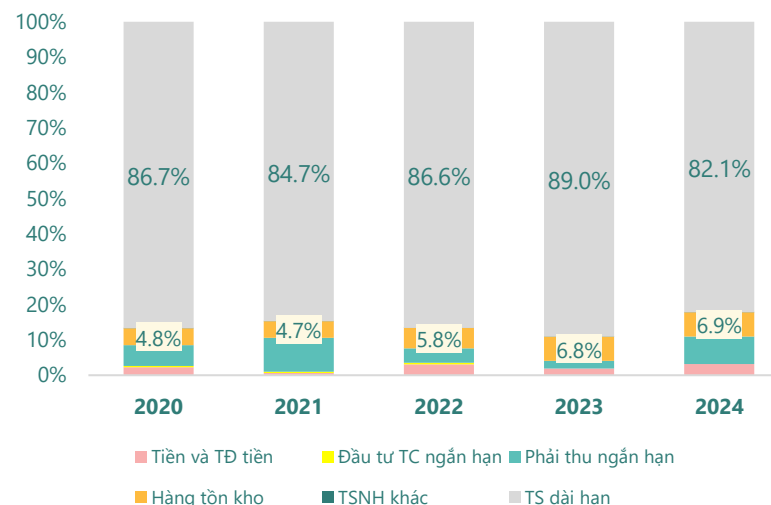
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

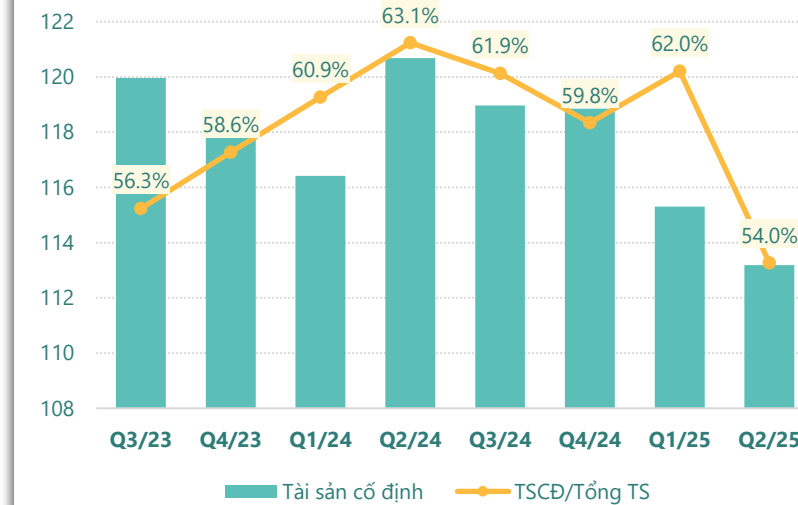
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

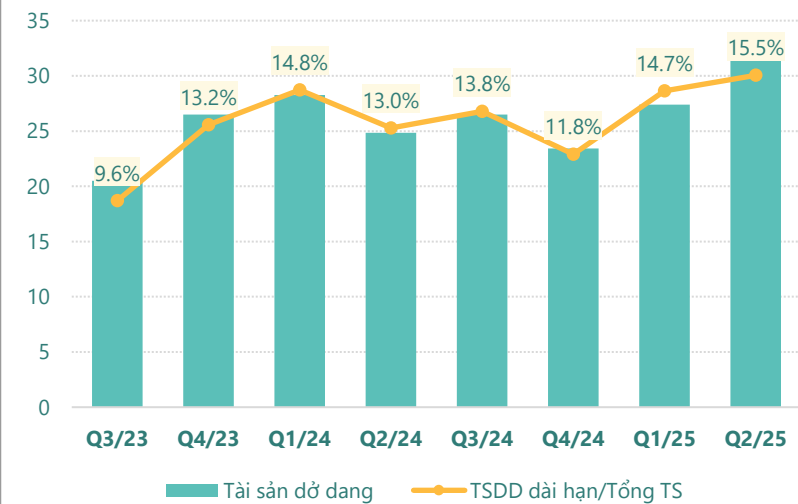
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

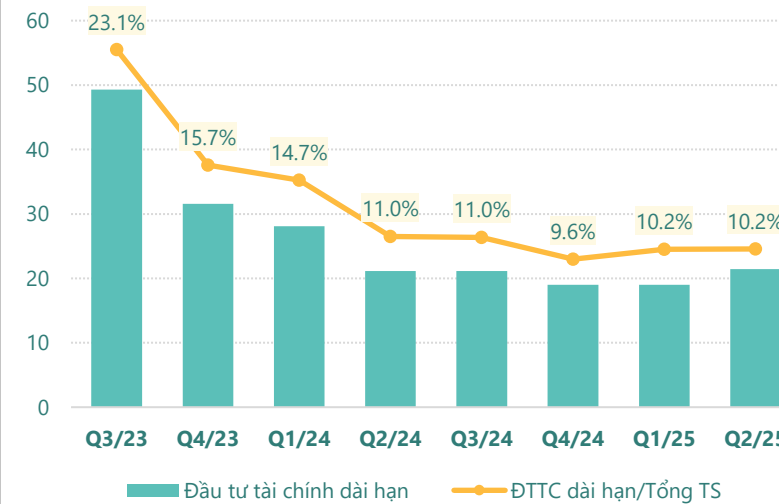
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

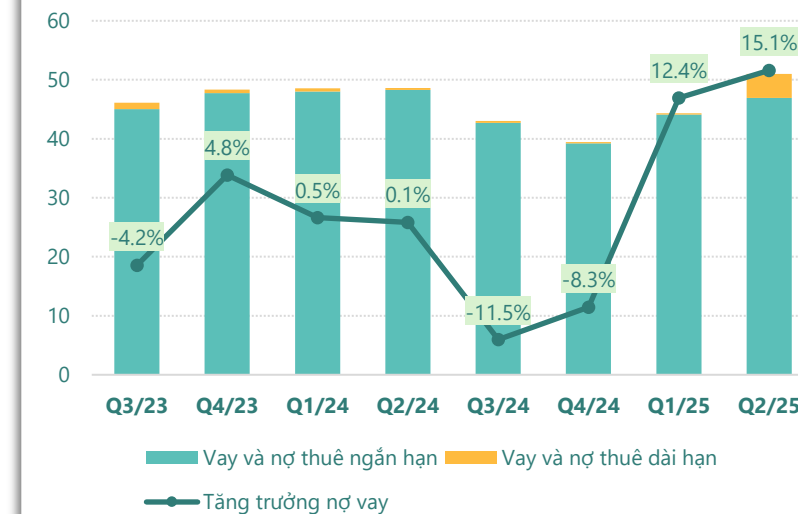
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

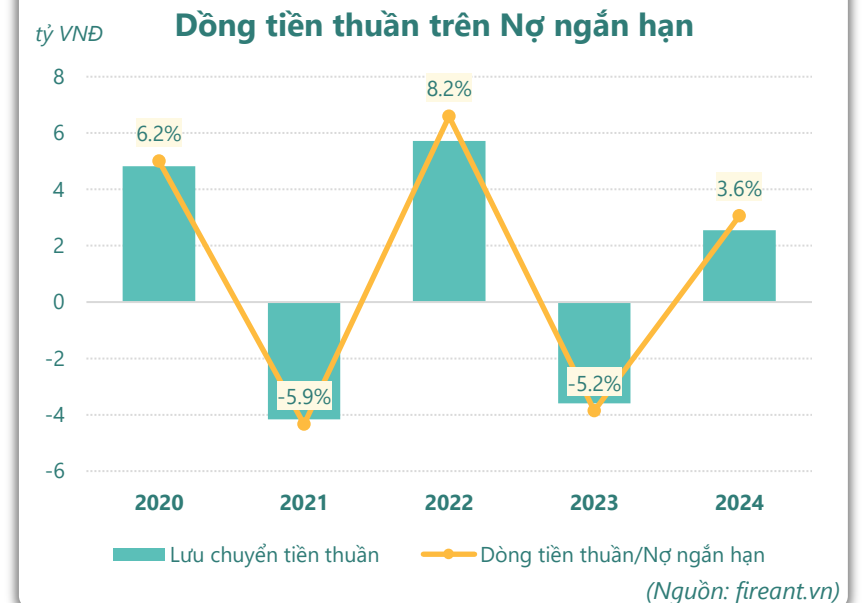
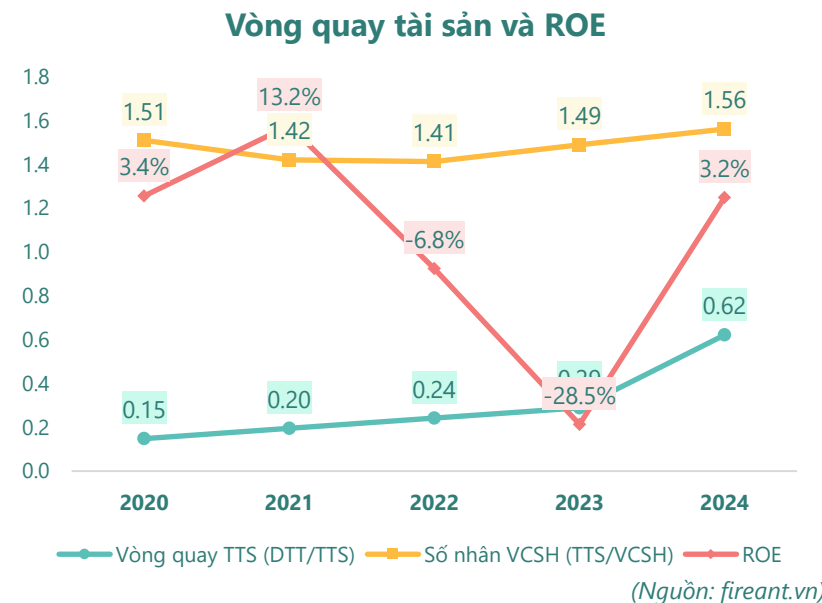
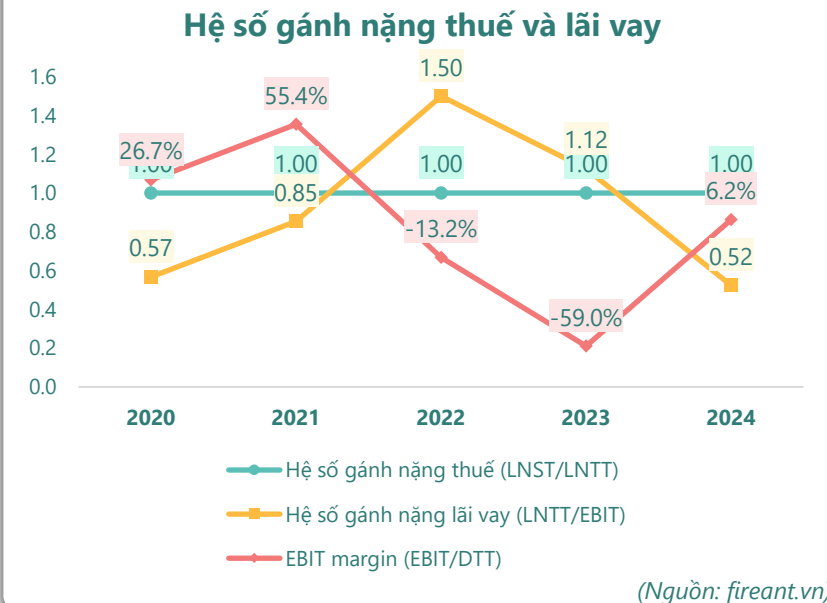
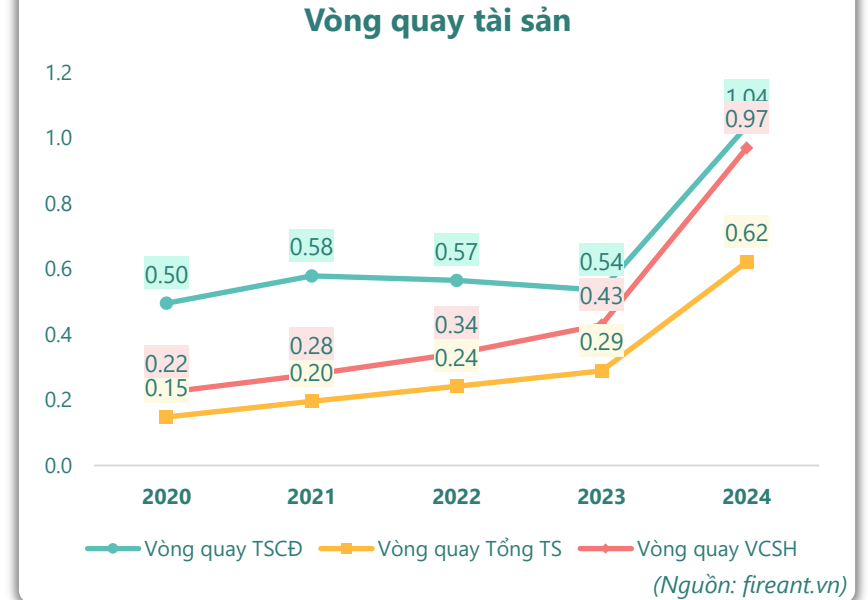
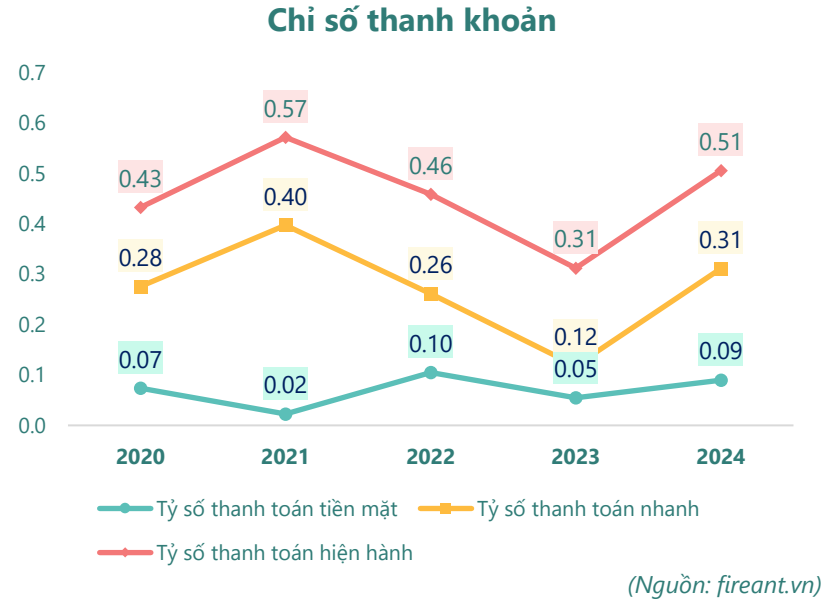
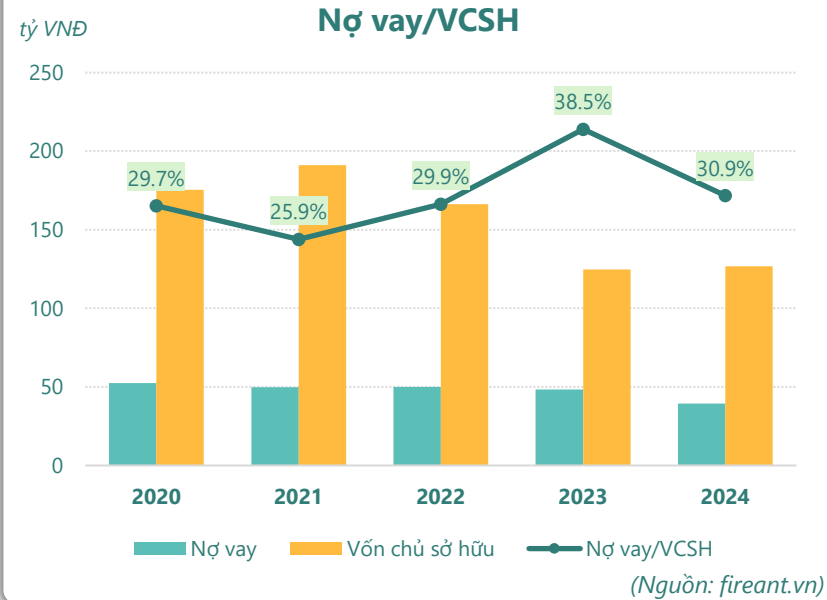
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	16.3	19.2	-15.1%	26.0	34.9	-25.7%
Giá vốn hàng bán	14.7	14.6	0.7%	25.1	29.6	-15.2%
Lợi nhuận gộp	1.60	4.60	-65.3%	0.83	5.30	-84.3%
Doanh thu HĐTC	0.03	0.03	3.5%	0.03	0.03	12.1%
Chi phí TC	-1.45	8.13	-118%	-0.80	8.92	-109%
Chi phí lãi vay	0.83	1.18	-29.5%	1.48	1.95	-23.8%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.02	-100%	0.01	0.15	-96.6%
Chi phí QLDN	2.54	2.22	14.3%	5.27	5.22	0.9%
LN thuần từ HĐKD	0.54	-5.74	109%	-3.61	-8.97	59.7%
Lợi nhuận khác	0.13	0.50	-73.1%	0.13	0.66	-80.3%
LN trước thuế	0.67	-5.24	113%	-3.48	-8.31	58.1%
Lợi nhuận sau thuế	0.67	-5.24	113%	-3.48	-8.31	58.1%
LNST của CĐ cty mẹ	0.67	-5.24	113%	-3.48	-8.31	58.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	12.3	16.4	18.6	13.6	10.8	14.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0.00	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-13.8	-13.0	-18.9	-12.5	-12.2	-8.84
Tiền đầu kỳ	3.74	2.24	5.64	5.36	6.29	4.82
Lưu chuyển tiền thuần	-1.50	3.40	-0.28	1.02	-1.47	5.54
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.24	5.64	5.36	6.38	4.82	10.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	210	198	5.9%
Tài sản ngắn hạn	41.7	35.4	18.0%
Tiền và tương đương tiền	10.4	6.29	64.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	14.6	15.4	-5.5%
Hàng tồn kho	16.8	13.6	23.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	0.05	-50.3%
Tài sản dài hạn	168	163	3.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	113	117	-3.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	32.4	25.3	27.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	21.5	19.0	12.9%
Tài sản dài hạn khác	0.77	0.81	-4.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	85.5	70.4	21.4%
Nợ ngắn hạn	81.0	69.9	15.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	46.9	39.2	19.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	17.4	14.6	18.9%
Nợ dài hạn	4.54	0.49	835%
Vay và nợ thuê dài hạn	4.05	0.19	1988%
Nguồn vốn chủ sở hữu	124	128	-2.7%
Vốn chủ sở hữu	123	127	-2.7%
Vốn điều lệ	171	171	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.68	0.68	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

